

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y P
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13/01/2022.

V/v: Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y P, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kiều Văn Dậu.

2. Ông Tạ Xuân Xế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y P, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y P, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y P, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 171/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/11/2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ T T D, sinh năm 1984.

Trú tại: Nhà A3, chung cư H L, phường K B, thành phố B N, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn T H, sinh năm 1985.

CMND số 125374695, cấp ngày 08/08/2019 tại Công an tỉnh Bắc Ninh.

HKTT: Thôn L T, xã Y T, huyện Y P, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện đang thụ án tại: Đội 30 – Phân trại số 03 – Trại giam Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Vũ T T D trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng*: Chị kết hôn cùng anh Nguyễn T H, sinh năm 1985; HKTT: Thôn L T, xã Y T, huyện Y P, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 08/07/2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Trung, huyện Y P, tỉnh Bắc Ninh. Sau một thời gian chung sống, cho đến nay chị D xét thấy do không còn tình cảm vợ chồng, không có sự chia sẻ, thấu hiểu và thông cảm trong cuộc sống. Vợ chồng ly thân từ khoảng tháng 01 năm 2021 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh H và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn K N, sinh ngày 27/12/2013; cháu Nguyễn Q A, sinh ngày 10/5/2019; cháu Nguyễn Q C, sinh ngày 20/12/2016. Hiện các cháu đều đang ở với chị D. Ly hôn chị xin được nuôi cả ba cháu. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, công nợ*: Không có, không yêu cầu THòa án giải quyết.

- *Quá trình giải quyết vụ án, do anh Nguyễn T H hiện đang thụ án tại Trại giam Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Y P đã có Công văn ủy thác đến Trại giam Ngọc Lý để lấy lời khai của anh H về các vấn đề liên quan đến vụ án. Ý kiến của anh H như sau:*

+ *Về quan hệ vợ chồng*: Anh kết hôn với chị Vũ T T D, sinh 1984; Trú tại: Phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/7/2013 tại UBND xã Yên Trung, huyện Y P, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại Thôn L T, xã Y T, huyện Y P, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng gắn bó và hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh giữa vợ chồng nảy sinh từ khi anh phải đi chấp hành án phạt tù. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, nay chị D xin ly hôn thì anh đồng ý. Anh xin vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như phiên tòa xét xử vụ án này tại Tòa án nhân dân huyện Y P.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn K N, sinh ngày 27/12/2013; cháu Nguyễn Q A, sinh ngày 10/5/2019; cháu Nguyễn Q C, sinh ngày 20/12/2016. Hiện các cháu đều đang ở với chị D. Về con chung anh có nguyện vọng là sau này khi anh chấp hành án xong thì anh xin được nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn K N và cháu Nguyễn Q C.

+ *Về tài sản chung, công nợ*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các đương sự. Chị D vẫn giữ nguyên ý kiến, anh H vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định của pháp luật và phải đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa công khai. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Vũ T T D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về các vấn đề trong vụ án như trình bày ở trên.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y P căn cứ Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử của Hội đồng xét xử tại phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX áp dụng: Các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và

gia đình; Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị D được ly hôn với anh H.

+ Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Nguyễn K N, sinh ngày 27/12/2013; cháu Nguyễn Q A, sinh ngày 10/5/2019; cháu Nguyễn Q C, sinh ngày 20/12/2016 cho chị Vũ T T D trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, công nợ: Không có, không xem xét giải quyết.

Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn. Bị đơn là anh Nguyễn T H có địa chỉ tại Thôn L T, xã Y T, huyện Y P, tỉnh Bắc Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y P theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là anh Nguyễn T H xin xét xử vắng mặt, do vậy HĐXX xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Chị Vũ T T D và anh Nguyễn T H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Trung, huyện Y P, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 08/07/2013. Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau ngày cưới, vợ chồng chị D, anh H về sinh sống tại Thôn L T, xã Y T, huyện Y P, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị D trình bày vợ chồng sống hay bất đồng quan điểm, không có sự chia sẻ, đồng cảm trong cuộc sống, vợ chồng ly thân từ khoảng tháng 01 năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh H, vợ chồng không có khả năng về đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Anh H thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn kể từ khi anh đi thụ án tại Trại giam Ngọc Lý. Vợ chồng anh sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, anh xác định không còn tình cảm gì với chị D. Nay chị D xin ly hôn với anh thì anh đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Vũ T T D và anh Nguyễn T H đã đến mức trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 01 năm 2021 đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ. Hôn nhân thực tế không tồn tại do hai bên đã sống ly thân, phía chị D vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn với anh H và anh H cũng đồng ý, nên HĐXX áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình cho chị D được ly hôn với anh H là phù hợp.

Về con chung: Chị D và Anh H đều thừa nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn K N, sinh ngày 27/12/2013; cháu Nguyễn Q A, sinh ngày 10/5/2019; cháu Nguyễn Q C, sinh ngày 20/12/2016. Hiện các cháu đều đang ở với chị D.

Ly hôn chị D xin được nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H không có ý kiến gì mà chỉ có nguyện vọng xin được nuôi cháu Nguyễn K N và cháu Nguyễn Q C sau khi chấp hành án phạt tù xong.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng chị Vũ T T D và anh Nguyễn T H có 03 con chung như trình bày ở trên. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được nuôi ba con chung và không yêu cầu anh H phải đóng góp phí tổn nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Nam có nguyện vọng muốn được ở với chị D, hiện nay chị D có thu nhập ổn định (lương chính trên 5.000.000đ và làm thêm thu nhập khoảng 20.000.000đ). Bên cạnh đó, hiện anh H đang đi thụ án tại Trại giam Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang nên không thể trực tiếp nuôi con chung được. Sau này khi anh H mãn hạn tù trở về thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về việc xin thay đổi quyền nuôi con sau ly hôn, chị D cũng đồng ý và nhất trí về việc này. Do vậy để đảm bảo ổn định định cuộc sống hiện tại và nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần cho các con chung của anh H và chị D. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho chị D tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả ba con chung là phù hợp và cần chấp nhận. Chị D cùng các thành viên gia đình chị phải tạo điều kiện cho anh H cùng các thành viên gia đình đến thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Vấn đề đóng góp phí tổn nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không xem xét giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ T T D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ T T D được ly hôn anh Nguyễn T H.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao 03 con chung là cháu Nguyễn K N, sinh ngày 27/12/2013; cháu Nguyễn Q A, sinh ngày 10/5/2019; cháu Nguyễn Q C, sinh ngày 20/12/2016 cho chị Vũ T T D được tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Không lạm dụng việc thăm nom gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng và giáo dục con cái.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không có, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ T T D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí (Xác nhận chị Vũ T T D đã nộp là 300.000đ án phí theo biên lai thu số AA/2021/0004143 ngày 22/11/2021 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Y P, tỉnh Bắc Ninh).

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./..

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Y P;
- Chi cục THADS huyện Y P;
- Các đương sự;
- Lu HS, VP;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Ngô Xuân Hà